

Bài tập:
Sắp xếp câu
(thêm dấu câu):

1. 英语 和 我 汉语 说
Yīngyǔ hé wǒ Hànyǔ shuō

2. 会 她 不 打篮球
Huì tā bú dǎ lánqiú

3. 会 写 不 汉字 会 他
Huì xiě bú hànzì huì tā